ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 254/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 08 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường giao thông nội đồng thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng (đoạn từ ruộng nhà ông Hoan đến ruộng nhà ông Thức)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ban hành định mức xây dựng, số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2011/TT-BXD, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 sửa đổi bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD; Thông tư số 08/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ

trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 60/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc xã Đại Đồng; Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc xã Đại Đồng;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Đồng về việc giao Văn phòng HĐND và UBND xã Đại Đồng thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc xã Đại Đồng;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo KTKT dự án và theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Thông báo số 27/KQTĐ-KT ngày 07/05/2026 về kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường giao

thông nội đồng thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng (đoạn từ ruộng nhà ông Hoan đến ruộng nhà ông Thức).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường giao thông nội đồng thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng (đoạn từ ruộng nhà ông Hoan đến ruộng nhà ông Thức) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường giao thông nội đồng thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng (đoạn từ ruộng nhà ông Hoan đến ruộng nhà ông Thức).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Đại Đồng - tỉnh Hưng Yên.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Đại Đồng.

4. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Đại Đồng.

5. Đơn vị khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn và công nghệ xây dựng Thái Bình (Địa chỉ: Xóm 13, thôn Tường An, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên).

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng công trình Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường giao thông nội đồng thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng (đoạn từ ruộng nhà ông Hoan đến ruộng nhà ông Thức) nhằm phục vụ giao thông, sản xuất nhân dân khu vực đồng thời cải thiện môi trường, tạo mỹ quan đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, nâng cao dân trí xã hội, phát triển kinh tế địa phương, từng bước thực hiện hoàn thiện cơ sở hạ tầng của xã. Tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của xã Đại Đồng nói riêng và của tỉnh nói chung.

8. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế:

8.1. Quy mô đầu tư:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV;
- Cấp đường: Đường GTNT cấp C;
- Loại mặt đường: Mặt đường BTXM.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a. Bình đồ tuyến: Hướng tuyến, tim tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng. Công trình có chiều dài L=246,00m, với điểm đầu ruộng nhà ông Hoan, kết nối với đường BTXM hiện hữu, điểm cuối ruộng nhà ông Thức thuộc địa phận thôn Mậu Lương, xã Đại Đồng.

b. Trắc dọc tuyến: Thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo êm thuận, phù hợp với địa hình xung quanh và chiều dầy kết cấu.

c. Trắc ngang tuyến:

* Trắc ngang tuyến đoạn từ Km0+000 đến Km0+39,10

- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,2m, dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$ = 2,0%;
- Chiều rộng lề đường phải $B_{lề}$=0,5m, dốc ngang mặt lề $i_{mặt}$ = 4,0%;
- Taluy đắp đất K90 với độ dốc 1,0/1,5;
- Chiều rộng tường chắn loại 1 bên trái B_{gcb}=0,22m;
- Chiều rộng nền đường theo thiết kế.

* Trắc ngang tuyến đoạn từ Km0+39,10 đến Km0+71,80; Km0+132,00 đến Km0+231,80

- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,2m, dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$ = 2,0%;
- Chiều rộng lề đường phải $B_{lề}$=0,5m, dốc ngang mặt lề $i_{mặt}$ = 4,0%;
- Taluy đắp đất K90 với độ dốc 1,0/1,5;
- Chiều rộng tường chắn loại 2 bên trái B_{gcb}=0,22m;
- Chiều rộng nền đường theo thiết kế.

* Trắc ngang tuyến đoạn từ Km0+71,80 đến Km0+84,50

- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,2m, dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$ = 2,0%;
- Chiều rộng lề đường phải $B_{lề}$=0,5m, dốc ngang mặt lề $i_{mặt}$ = 4,0%;
- Chiều rộng lề đường trái $B_{lề}$=0,5m, dốc ngang mặt lề $i_{mặt}$ = 4,0%; chân lề đất gia cố cọc tre phên nứa;
- Taluy đắp đất K90 với độ dốc 1,0/1,5;
- Chiều rộng nền đường theo thiết kế.

* Trắc ngang tuyến đoạn từ Km0+84,50 đến Km0+132,00; Km0+231,80 đến Km0+246,00;

- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$=3,2m, dốc ngang mặt đường $i_{mặt}$ = 2,0%;
- Chiều rộng lề đường phải $B_{lề}$=0,5m, dốc ngang mặt lề $i_{mặt}$ = 4,0%;
- Taluy đắp đất K90 với độ dốc 1,0/1,5;
- Bên trái tuyến giáp tường rào thép;
- Chiều rộng nền đường theo thiết kế.

d. Kết cấu áo đường:

- Lớp mặt đường BTXM M250 đá 2x4 dầy 18cm;
- Lớp nylon chống mất nước bê tông;
- Lớp cát đen tạo phẳng dầy 3cm;
- Lớp CPĐD loại I dầy 15cm đầm chặt K98;
- Lớp cát đen dầy 30cm đầm chặt K95;

* Kết vuốt nối: Tương đương kết cấu mặt đường.

e. Tường chắn loại 1, loại 2: Thiết kế tường chắn để đảm bảo ổn định nền đường. Tường chắn xây gạch không nung VXM M75, trát ngoài bằng VXM M75 dày 1,5cm, Móng trên lớp đá dăm đệm móng 2x4 dày 10cm.

- Thiết kế tường chắn thành các môđun với chiều dài 15m/môđun, khe giữa các môđun được chèn bằng 2 lớp bao tải, 3 lớp nhựa đường.

(Các nội dung liên quan khác theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cơ quan chức năng thẩm định)

9. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam:

+ QCVN 07:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

+ QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Các tiêu chuẩn Việt Nam:

+ Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;

+ Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCVN 9401:2012;

+ Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 31: 2020: Đường ôtô - Tiêu chuẩn khảo sát; Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 41: 2022: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054-2005: Đường ô tô yêu cầu thiết kế;

+ Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39,40: 2022: Tiêu chuẩn thiết kế và thi công mặt đường BTXM;

+ Đường giao thông nông thôn-Yêu cầu thiết kế TCVN10380-2014;

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm-vật liệu, thi công và nghiệm thu;

+ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN5574:2012-Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

+ TCVN 4447 - 2012: Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: **900.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng./.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	794.366.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	22.144.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	78.360.000 đồng
- Chi phí khác:	5.130.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	0 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung tại Điều 1 tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý dự án, quản lý chất lượng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch và PCT UBND xã;
- Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Chuẩn